

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2018/DS-PT

Ngày 18 - 6 - 2018

V/v Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng  
đất, hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và  
hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Xuân Minh;

*Các thẩm phán:* Ông Trương Văn Bình;

Ông Hoàng Thanh Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 678/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1/. Ông Danh Si P, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2/. Ông Danh Tr, sinh năm 1967. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3/. Bà Thị Kim L, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H1, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Thị Kim Th, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, Ấp H2, xã Đ, huyện G, Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phạm Hữu Ph  
- Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Danh H, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H2, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2/. Bà Thị H1 (Sok Maly), sinh năm 1959. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện S, tỉnh Pra Vi Hia, Campuchia.

3/. Ông Danh Th1, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H1, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

4/. Anh Danh Th2, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H1, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

5/. Ông Mai Hòa H2, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp H2, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Danh Th2, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp H1, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

6/. Ông Danh Minh Ph1, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp H1, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Thị Kim Th.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Bà Thị Kim Th trình bày:*

Cha mẹ bà là cụ Danh B (chết năm 2008) và cụ Thị Đ (chết năm 2013) có tất cả 05 người con gồm: Bà Thị H1, ông Danh Si P, ông Danh Tr, bà Thị Kim L và bà Thị Kim Th. Lúc sinh thời hai cụ tạo lập được một số tài sản gồm đất ruộng và đất vườn, khi các anh chị bà lập gia đình đã được cha mẹ cho mỗi người 3,5 công đất ruộng và 01 công đất vườn. Phần còn lại diện tích đất 5.924m<sup>2</sup> do cụ Danh B đứng tên quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện G cấp ngày 05/6/2003, đo đạc thực tế là 6.209m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp H1, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Đến ngày 10/7/2003, cụ B và cụ Đ lập di chúc cho bà toàn bộ diện tích đất nêu trên. Nay ông Danh Tr, Danh Si P và bà Thị Kim L bao chiếm toàn bộ diện tích đất nêu trên và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu công nhận tờ di chúc lập ngày 10/7/2003 là hợp pháp và buộc ông Danh Tr, ông Danh Si P và bà Thị Kim L trả cho bà diện tích đất ruộng 6.209m<sup>2</sup> đồng thời giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà hợp thức hóa quyền sử dụng đất.

Đối với yêu cầu của ông Danh Si P, ông Danh Tr và bà Thị Kim L về việc chia di sản thừa kế bà không đồng ý. Đối với yêu cầu độc lập của ông Danh Minh Ph1, bà đồng ý trả nợ gốc cho ông Ph1 40 triệu đồng và chỉ đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật.

*Ông Danh Tr, Danh Si P và bà Thị Kim L trình bày:*

Cha mẹ ông bà là cụ Danh B (chết năm 2008), cụ Thị Đ (chết năm 2013). Cha mẹ các ông bà có 05 người con như bà Thị Kim Th trình bày. Khi cha mẹ ông bà chết để lại phần di sản sau:

Diện tích đất thổ vườn 612,9m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4, thửa 624, tọa lạc tại ấp H1, nay là ấp H2, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nằm trong khu quy hoạch. Tuy nhiên, vợ chồng bà Th và ông Danh H giả mạo di chúc để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/12/2009. Ngày 21/11/2014, UBND huyện G thu hồi diện tích 53,85m<sup>2</sup>, nên diện tích đất còn lại là 559,05m<sup>2</sup> (theo đo đạc thực tế là 349,4m<sup>2</sup>, trong đó 275m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 74,4m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm). Hiện nay, phần đất này do bà Th quản lý, trên đất có căn nhà của Th đang ở. Ông bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng bà Th đứng tên nêu trên và chia đều cho 05 người gồm Danh Tr, Danh Si P, Thị H1, Thị Kim L và Thị Kim Th, mỗi người được nhận 69,88m<sup>2</sup> (đất ở là 55m<sup>2</sup>, đất vườn là 14.88m<sup>2</sup>). Số tiền bồi thường thu hồi đất để làm Quốc lộ 61 bà Th đã nhận, đề nghị bà Th chia đều cho 05 anh em. Các bên thống nhất làm tròn là 27.000.000 đồng (27.463.500 đồng).

Diện tích đất trồng lúa 5.924m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4, thửa 474 và 475, tọa lạc tại ấp H1, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/7/2003 đứng tên cụ Danh B. Theo đo đạc thực tế có diện tích là 6.209m<sup>2</sup>. Yêu cầu chia đều cho 05 người, mỗi người được hưởng diện tích 1.241,8m<sup>2</sup>.

Các diện tích đất ông, bà được chia thừa kế, ông, bà yêu cầu được nhận giá trị theo chứng thư định giá của Công ty cổ phần bất động sản Kiên Giang.

Di chúc bà Th cung cấp là không có giá trị, vì lúc cha mẹ ông, bà còn sống, vào năm 2007 có họp mặt các con lại lập biên bản xác định hai diện tích đất nêu trên là tài sản chung của 05 anh em, chứ không cho riêng ai, có chính quyền địa phương chứng kiến và cũng không có lập di chúc như bà Th trình bày.

Riêng phần thừa kế của bà Thị H1 được chia, đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của bà H1 cho lại ba anh em ông, bà gồm: Danh Tr, Danh Si P, Thị Kim L.

Ngoài ra, khi cụ Đ chết, anh em ông bà có mượn 31 triệu đồng để làm đám tang cho cụ, tất cả anh em trong gia đình đều thống nhất cầm cố phần đất ruộng do cụ B đứng tên cho ông Mai Hòa H2 thời gian cầm cố là 02 năm (tháng 11/2013 đến tháng 11/2015) với số tiền 31 triệu đồng để trả nợ làm đám tang cho cụ Đ. Yêu cầu buộc mỗi người thừa kế phải trả 7.750.000 đồng để chuộc lại đất.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị H1 trình bày:*

Bà không yêu cầu gì trong vụ án này, phần thừa kế bà được hưởng theo quy định pháp luật bà đồng ý tặng cho lại 03 anh em gồm: Danh Tr, Danh Si P, Thị Kim L. Bà yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án vì bà đang định cư tại Campuchia, nên việc đi lại khó khăn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh H trình bày:* Thống nhất với ý kiến bà Thị Kim Th.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh Th1 trình bày:* Thống nhất với ý kiến bà Thị Kim L.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh Th2 trình bày:* Thống nhất với ý kiến trình bày của bà Thị Kim L. Phần đất trước đây ông, bà ngoại là cụ Danh B và cụ Thị Đ có cho ông một công đất ruộng, nhưng chỉ viết giấy tay, nên ông không có căn cứ để yêu cầu gì đối với phần đất này, đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật cho mẹ ông bà Thị Kim L.

*Ông Danh Th2 đại diện theo ủy quyền của ông Mai Hòa H2 có yêu cầu độc lập trình bày:* Việc cầm cố đất như các nguyên đơn trình bày. Ông H2 yêu cầu những người thừa kế di sản của cụ Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ông H2 số tiền 31 triệu đồng thì Ông H2 sẽ giao trả lại đất cầm cố.

*Ông Danh Minh Ph1 có yêu cầu độc lập trình bày:* Vào ngày 08/4/2016, vợ chồng bà Thị Kim Th và ông Danh H có thể chấp cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng bà Th đứng tên được UBND huyện G cấp ngày 13/12/2009, với số tiền thế chấp là 40 triệu đồng, lãi suất là 4%/tháng, thời hạn thế chấp là một năm. Từ ngày 08/4/2016 đến nay vợ chồng bà Th chỉ đóng lãi cho ông 4.800.000 đồng. Do vợ chồng bà Th vi phạm nghĩa vụ đóng lãi nên ông yêu cầu vợ chồng bà Thị Kim Th và ông Danh H trả cho ông số tiền gốc 40.000.000 đồng và lãi suất 4%/tháng trên số tiền gốc kể từ ngày 08/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm. Khi vợ chồng bà Th, ông H trả đủ nợ gốc và tiền lãi thì ông sẽ hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc cho bà Th, ông H.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

- Căn cứ các Điều 26, 37, 91, 92, 158, 165, 217, 218, 227, 245, 271, 273, 278, 280, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 122, 131, 357, 463, 466, 649, 650, 651, 658 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009.

- Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

1/. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị Kim Th.

2/. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Danh Si P, ông Danh Tr và bà Thị Kim L.

Công nhận và chia di sản thừa kế như sau:

Công nhận cho bà Thị Kim Th diện tích đất theo đo đạc thực tế là 349,4m<sup>2</sup>, thuộc thửa 30958.04.624, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp H1, nay là ấp H2, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00747 do UBND huyện G cấp cho hộ bà Thị Kim Th, ông Danh H ngày 03/12/2009 theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/11/2015 của TAND tỉnh Kiên Giang và sơ đồ trích đo địa chính của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G. Bà Th có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh diện tích đất đúng theo đo đạc thực tế nêu trên.

Công nhận cho bà Thị Kim L diện tích đất theo đo đạc thực tế là 6.209m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4, thửa 474, 475, tọa lạc tại ấp H1, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ Danh B đứng tên, được UBND huyện G cấp ngày 30/6/2003, có vị trí theo sơ đồ trích đo địa chính tại chỗ ngày 04/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và sơ đồ trích đo địa chính Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G. Ông Danh Tr có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc do cụ Danh B đứng tên đối với thửa đất công nhận cho Bà L. Bà L có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục để được đứng tên quyền sử dụng đất được công nhận.

Buộc bà Thị Kim Th có nghĩa vụ trả giá trị phần thừa kế cho ông Danh Si P, ông Danh Tr, bà Thị Kim L mỗi người là 116.026.453 đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Thị Kim L có nghĩa vụ trả giá trị phần thừa kế cho ông Danh Si P, ông Danh Tr mỗi người là 49.684.000 đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Thị Kim L có nghĩa vụ trả giá trị phần thừa kế cho bà Thị Kim Th 37.263.000 đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3/. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Mai Hòa H2 về tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất.

Tuyên bố tờ thỏa thuận cầm cố đất ruộng ngày 10/11/2013 vô hiệu.

Buộc bà Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Mai Hòa H2 số tiền 31.000.000 đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Mai Hòa H2 có nghĩa vụ trả lại diện tích đất cầm cố cho bà Thị Kim L 6.209m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp H1, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và sơ đồ trích đo địa chính của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G.

4/. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Danh Minh Ph1 về hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Thị Kim Th và ông Danh H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Danh Minh Ph1 số tiền 40.885.000 đồng. Ông Danh Minh Ph1 có nghĩa vụ hoàn trả bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thị Kim Th và ông Danh H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00747 do UBND huyện G cấp cho Hộ bà Thị Kim Th, ông Danh H ngày 03/12/2009.

Kể từ ngày người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành chậm trả số tiền nêu trên thì người phải thi hành còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí đo vẽ, định giá, việc thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 31/5/2017, bà Thị Kim Th có đơn kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, phiên tòa ngày 27/4/2017 bà có mặt sau đó hoãn xử lý do vắng mặt người liên quan, sau đó thư ký yêu cầu bà ký nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 17/5/2017, ngày này bà bị bệnh cấp tính không kịp làm đơn xin hoãn xử, bà cho rằng Tòa án xác định bà vắng mặt 2 lần là không đúng. Ngày 12/6/2017, bà Th có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu nếu Tòa án không chấp nhận hủy án sơ thẩm thì bà yêu cầu chấp nhận đơn khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự không rút đơn kháng cáo; nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện; các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Thị Kim Th trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Th không đúng, bà Th chỉ vắng mặt lần thứ nhất. Về nội dung, di chúc là hợp pháp, án sơ thẩm không công nhận nhưng không nêu rõ lý do. Việc chia thừa kế đất liên quan đến UBND huyện G nhưng cấp sơ thẩm không đưa vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về hình thức, đơn kháng cáo ngày 31/5/2017 của bà Thị Kim Th hợp lệ, đơn kháng cáo ngày 12/6/2017 là quá hạn và vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Tòa án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng vì áp dụng theo Án lệ số 12 ngày 14/12/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Di chúc do bà Th xuất trình đã bị vô hiệu bởi biên bản họp hội đồng gia tộc ngày 16/8/2017, cuộc họp thống nhất mọi giấy tờ trước ngày họp này liên quan đến đất đai của cha mẹ các đương sự đều không có giá trị. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do bản án dân sự sơ thẩm có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: Để có cơ sở xem xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận xét như sau:

[2.1] Bà Thị Kim Th khi tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Th, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng quy định (theo Án lệ số 12 ngày 14/12/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao). Nhận định của cấp sơ thẩm đề cập tới việc thay đổi tư cách đương sự tham gia tố tụng, cụ thể bà Thị Kim Th trở thành bị đơn và bị đơn trở thành nguyên đơn do họ vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố là có căn cứ. Song, phần hình thức của bản án sơ thẩm chưa điều chỉnh tư cách tham gia tố tụng của các đương sự là có thiếu sót. Tuy nhiên, thiếu sót này không làm thay đổi bản chất của vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Th đề nghị hủy án sơ thẩm với lý do này.

[2.2] Xét yêu cầu chia thừa kế của ông Danh Si P, ông Danh Tr, bà Thị Kim L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, thấy rằng: Căn cứ biên bản họp nội bộ thân tộc ngày 16/8/2007 thì tài sản trên đất và đất đai của cụ B, cụ Đ chết để lại là của chung các thừa kế truyền nhau từ đời này qua đời khác, không tặng cho riêng ai; biên bản họp thân tộc còn nêu mọi giấy tờ trước đây trái với biên bản họp đều không có giá trị. Do đó, di chúc ngày 10/7/2003 bà Th cung cấp cho Tòa án không còn giá trị pháp lý. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết tranh chấp thừa kế theo nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và không chấp nhận kháng cáo của bà Thị Kim Th; sửa bản án sơ thẩm về tư cách tham gia tố tụng của đương sự.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Thị Kim Th phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của bà Thị Kim Th.

Sửa Bản án sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang về tư cách đương sự tham gia tố tụng.

Giữ nguyên các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang như sau:

- Áp dụng các Điều 122, 131, 357, 463, 466, 649, 650, 651, 658 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Thị Kim Th.

2/. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông Danh Si P, ông Danh Tr và bà Thị Kim L.

Công nhận và chia di sản thừa kế như sau:

Công nhận cho bà Thị Kim Th diện tích đất theo đo đạc thực tế là 349,4m<sup>2</sup>, thuộc thửa 30958.04.624, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp H1, nay là ấp H2, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00747 do UBND huyện G cấp cho hộ bà Thị Kim Th, ông Danh H ngày 03/12/2009, có vị trí theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/11/2015 của TAND tỉnh Kiên Giang và sơ đồ trích đo địa chính của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G. Bà Th có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh diện tích đất đúng theo đo đạc thực tế nêu trên.

Công nhận cho bà Thị Kim L diện tích đất theo đo đạc thực tế là 6.209m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4, thửa 474, 475, tọa lạc tại ấp H1, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ Danh B đứng tên, được UBND huyện G cấp ngày 30/6/2003, có vị trí theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và sơ đồ trích đo địa chính Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G. Ông Danh Tr có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc do cụ Danh B đứng tên đối với thửa đất công nhận cho Bà L. Bà L có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục để được đứng tên quyền sử dụng đất được công nhận.

Buộc bà Thị Kim Th có nghĩa vụ trả giá trị phần thừa kế cho ông Danh Si P, ông Danh Tr, bà Thị Kim L mỗi người là 116.026.453 đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Thị Kim L có nghĩa vụ trả giá trị phần thừa kế cho ông Danh Si P, ông Danh Tr mỗi người là 49.684.000 đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Thị Kim L có nghĩa vụ trả giá trị phần thừa kế cho bà Thị Kim Th 37.263.000 đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật.



3/. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Mai Hòa H2 về tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất.

Tuyên bố từ thỏa thuận cầm cố đất ruộng ngày 10/11/2013 vô hiệu.

Buộc bà Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho ông Mai Hòa H2 số tiền 31.000.000 đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ông Mai Hòa H2 có nghĩa vụ trả lại diện tích đất cầm cố cho bà Thị Kim L 6.209m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp H1, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/11/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và sơ đồ trích đo địa chính của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G.

4/. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Danh Minh Ph1 về hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Thị Kim Th và ông Danh H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Danh Minh Ph1 số tiền 40.885.000 đồng. Ông Danh Minh Ph1 có nghĩa vụ hoàn trả bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Thị Kim Th và ông Danh H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00747 do UBND huyện G cấp cho hộ bà Thị Kim Th, ông Danh H ngày 03/12/2009.

Kể từ ngày người yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành chậm trả số tiền nêu trên thì người phải thi hành còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

5/. Án phí phúc thẩm: Bà Thị Kim Th phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005940 ngày 31/5/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

6/. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

7/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- ND (3);
- BD (1);
- NLQ (6);
- Lưu VP(3), HS(2).20b. (MSL38)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Xuân Minh**

